TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 14/2020/DS-ST
Ngày: 25/3/2020.
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Võ Thanh Nhàn;**
2. Ông **Võ Lâm Sơn.**
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch M, tỉnh An Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch M, tỉnh An Giang tham gia phiên Tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch M, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/2019 /TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1971; địa chỉ: số 139, ấp A Q, xã HA Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/27 Quản Cơ Thành, khóm Bình Thới 3, P B K, thành phố L X, tỉnh An Giang; làm đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 05/11/2019 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp A T, xã H A, huyện Ch M, tỉnh An Giang, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Chí D (Nguyễn Trí D), sinh năm 1976; địa chỉ: ấp A T, xã H A, huyện Ch M, tỉnh An Giang (có ý kiến xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K là ông Nguyễn Văn P trình bày: Vào ngày 11/5/2017, bà L có vay tiền của bà K số tiền 120.000.000 đồng (một trăm

hai mươi triệu), có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả, mục đích vay để xay xát lúa gạo, việc vay này ông D biết. Bà K giao nhận tiền trực tiếp với bà L. Từ khi vay đến nay, bà L chỉ trả số tiền 8.000.000 đồng, trong hai lần: Lần 01, trả 4.000.000 đồng, có làm giấy tờ; lần 2, trả 4.000.000 đồng không làm giấy tờ. Yêu cầu bà L và ông D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 112.000.000 đồng, rút lại yêu cầu đối với số tiền 4.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 05/11/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày: Bà và ông Nguyễn Chí D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vào ngày 11/5/2017, bà có đến gặp bà K vay số tiền 120.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hứa là 05 ngày sẽ trả lại, việc vay này do bà vay dùm người khác (bà không cung cấp được họ và tên, năm sinh cụ thể). Trong thời gian vay, bà có trả cho bà K số tiền 9.800.000 đồng trong 03 lần:

Lần 01: Trả số tiền 4.000.000 đồng, bà K có ghi vào biên nhận, không nhớ rõ thời gian;

Lần hai: Trả số tiền 1.800.000 đồng, không làm biên nhận, đưa vào khoảng cuối năm 2017;

Lần 3: Trả vào ngày 20/6/2019 âm lịch, số tiền 4.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận, có nhân chứng chứng kiến.

Sau đó có đóng lãi được 5.000.000 đồng cho bà K nhưng không làm biên nhận, không người chứng kiến. Do số tiền lãi 5.000.000 đồng và số tiền 1.800.000 đồng bà không cung cấp được chứng cứ, chứng minh nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hiện nay bà chỉ còn nợ lại số tiền 112.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt số tiền 112.000.000 đồng.

Việc vay này chồng bà không biết, không dùng trong sinh hoạt gia đình và bà trực tiếp giao nhận tiền với bà K, không liên quan đến người khác.

Đối với bà Chung, do bà đã ký nhận trả nợ với bà K và cũng không cấp cấp chứng cứ chứng minh bà Chung nhận tiền bà K nên bà đồng ý có trách nhiệm trả số tiền 112.000.000 đồng cho bà K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2020 ông Nguyễn Trí D trình bày: Ông với bà L là vợ chồng, ông và bà L có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, đối với số tiền 112.000.000 đồng bà K khởi kiện yêu cầu ông cùng bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà K thì ông không đồng ý, vì việc vay mượn giữa bà K với bà L như thế nào thì ông không biết và cũng không dùng trong sinh hoạt gia đình, thu nhập chính trong gia đình ông chỉ bán quán nước, ông không đồng ý cùng bà L trả cho bà K số nợ 112.000.000 đồng. Do ông bận công việc gia đình nên không thể đến Tòa án để tham gia hòa giải và xét xử, cho ông xin vắng mặt, ông không khiếu nại gì về sau.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Chí D (Nguyễn Trí D) đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng ông không đến nên không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án

Ngày 11/5/2017, bà Phạm Thị Kim L có vay tiền của bà Nguyễn Thị K số tiền 120.000.000 đồng, có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả, mục đích vay để xay xát lúa gạo, việc vay có ông Nguyễn Chí D biết. Sau khi vay bà L đã trả 8.000.000 đồng. Nay, yêu cầu bà L, ông Nguyễn Chí D (chồng bà L) liên đới trả số tiền 112.000.000 đồng, rút lại yêu cầu đối với số tiền 4.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ gày 05/11/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Phía bà L cho rằng bà và ông Nguyễn Chí D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà L thừa nhận có vay của bà K 120.000.000 đồng nhưng người nhận tiền là bà Nguyễn Thị Kim Chung, bà chỉ viết biên nhận với bà K. Tại phiên tòa, bà L đồng ý trả bà K 112.000.000 đồng nhưng xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng. Riêng, ông D không đồng ý liên đới cùng trả nợ, do ông không biết việc bà L vay tiền, không sử dụng cho sinh hoạt gia đình, thu nhập chính của gia đình là kinh doanh tại nhà.

Xét thấy, căn cứ bà K khởi kiện là biên nhận nợ ngày 11/5/2017, thể hiện nội dung "*Em Phạm Thị Kim L có mượn tiền của chị Nguyễn Thị K số tiền 120.000.000 đồng*" và tại phiên tòa bà L vẫn thừa nhận nợ 112.000.000 đồng nên việc bà K yêu cầu bà L trả 112.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Riêng, ông D tuy không trực tiếp nhận tiền từ bà K nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại nên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông D có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả bà K số tiền 112.000.000 đồng.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng và lãi suất, tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn đã rút lại yêu cầu này nên cần đình chỉ theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng nhưng không được bà K đồng ý nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

- Ông Nguyễn Chí D (Trí D) và bà Phạm Thị Kim L có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị K số tiền 112.000.000 đồng.

- Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà K đối với số tiền 4.000.000 đồng và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Phạm Thị Kim L cư trú ấp A T, xã H A, huyện Ch M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Ch M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Chí D (Nguyễn Trí D) có ý kiến xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Qua lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị K là ông Nguyễn Văn P và các tài liệu, chứng cứ cung cấp nội dung "*Em Phạm Thị Kim L có mượn tiền của chị Nguyễn Thị K số tiền 120.000.000 đồng*" và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà K với bà L có ký kết hợp đồng vay tài sản giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do bà L không trả số tiền vay khi bà K có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên Tòa bà L trình bày số tiền này là bà vay dùm cho bà Chung, nhưng bà là người trực tiếp ký tên trong biên nhận, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu bà cung cấp năm sinh, địa chỉ của bà Chung để tiến hành làm việc, nhưng bà không cung cấp được, bà còn cho rằng số tiền này bà vay dùm, không dùng trong sinh hoạt gia đình, chồng bà không biết. Xét thấy lời trình bày của bà không có đủ chứng cứ để chứng minh số tiền không dùng trong sinh hoạt gia đình, do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà K, buộc bà L và ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà K số tiền vay 112.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét thấy tờ biên nhận nợ ngày 11/5/2017 mà bà L ký tên đã phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L với ông D, vì vậy bà K yêu cầu bà L với ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số nợ 112.000.000 đồng là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K buộc bà Phạm Thị Kim L, ông Nguyễn Chí D (Nguyễn Trí D) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 112.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị K là có căn cứ.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng, tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K là ông Nguyễn Văn P rút lại không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K là ông Nguyễn Văn P rút lại yêu cầu không tính lãi suất, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị Kim L, ông Nguyễn Chí D (Nguyễn Trí D) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 217, 218, 228, 235, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

Buộc bà Phạm Thị Kim L, ông Nguyễn Chí D (Nguyễn Trí D) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền vốn vay 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim L, ông Nguyễn Chí D (Nguyễn Trí D) phải chịu 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị K được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007608 ngày 06.12.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch M, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Ch M;
-Chi cục THADS huyện Ch M;
-Các đương sự;
-Lưu.